

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT
Ngày 20-9-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thanh Bình

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 49/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 17/37 phường S, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Ông Phạm Văn T3 (Phạm Doãn T3), sinh năm 1956; nơi cư trú: Số 398 đường Nguyễn Lương Bằng, phường TPL, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1959; nơi cư trú: Đường Đỏ 3, tổ 38 phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (ông T3, bà T):
Bà Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị Tuyết Nga – đều là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thị N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Doãn M, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ F 1, phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ F 1, phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn T3 là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 09/11/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/9/2021; Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị T4 thống nhất trình bày:

Cụ Phạm Doãn C1 (chết năm 1998) và cụ Nguyễn Thị T3 (chết năm 2002) sinh được 05 người con là Phạm Doãn C3 (chết năm 06 tuổi), bà Phạm Thị T, ông Phạm Doãn T3, bà Phạm Thị T4 và ông Phạm Doãn M. Khi còn sống cụ C1 và cụ T3 tạo dựng được khối tài sản chung bao gồm: 01 ngôi nhà ba gian cấp 4, diện tích 34m², lợp ngói đỏ, xây năm 1976. Ngôi nhà này hiện đã được vợ chồng ông M, bà M1 sửa chữa lại toàn bộ; 02 gian nhà bếp, hiện ông M, bà M1 đã phá bỏ; 01 bể nước xây năm 1978, không còn giá trị sử dụng. Các tài sản này được xây dựng trên diện tích đất là 1.225,8m², thửa số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ F 1, phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất và tài sản trên đất đã được cụ C1 và cụ T3 quản lý từ lâu nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10 tháng 4 năm 1998, Nhà nước thực hiện công tác quản lý đất đai đã đến gia đình cụ C1 làm thủ tục đo vẽ, xác định ranh giới, mốc giới, lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất, lập bản đồ địa chính. Thời điểm đó có mặt cụ C1, cụ T3, ông T3, bà T4 và ông M thì đoàn công tác có hỏi các thành viên trong gia đình đất mang tên ai có đề nghị đứng tên hai anh em là ông T3 và ông M không. Lúc đó do thiếu hiểu biết về luật pháp nên ông T3 đã từ chối nên trong sổ sách địa phương chỉ ghi tên ông M. Sau khi các cụ chết thì toàn bộ nhà cửa và diện tích đất của các cụ do vợ chồng ông M quản lý. Các cụ chết không để lại di chúc và nguyên đơn nhiều lần đề nghị ông M chia tài sản của các cụ để lại cho anh chị em mỗi người một phần diện tích đất để làm nhà ở nhưng ông M khất lần và có lúc nói chia cho mỗi người 100m²; có lúc nói sau này bán cho mỗi người ít tiền để làm của hồi môn nhưng sau đó ông M nghe vợ nên không phân chia cho các anh chị em. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 1.225,8m² là 612,3m². Nguyên đơn đồng ý tính công sức bảo quản, trông coi di sản thừa kế cho ông M 12,9m², còn 600m² đề nghị phân chia cho 04 đồng thừa kế, mỗi suất thừa kế là 150m². Đối với phần tài sản trên đất của cụ C1 và cụ T3 để lại có tài sản thì

vợ chồng ông M đã phá dỡ để xây mới, còn tài sản chưa phá dỡ thì không còn giá trị sử dụng nên các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 16/9/2020 (sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 10/9/2021), các nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3 là 1.237,8m² cho 04 đồng thừa kế là bà T, ông T3, bà T4 và ông M mỗi người 309m². Do nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

Từ năm 2010, các nguyên đơn đã làm Đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3 tại Tòa án nhân dân quận KA. Tuy nhiên, sau khi Tòa án KA xét xử, ông M kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử huỷ bản án, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận KA xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nhưng không rõ vì sao cho đến bây giờ Tòa án cấp sơ thẩm mới xét xử lại.

Tại văn bản năm 2012, năm 2013 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn năm 2010, bị đơn – ông Phạm Doãn M và người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Vũ Thị M1 thống nhất trình bày:

Ông M nhất trí với lời trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống của gia đình bị đơn. Cụ C1 và cụ T3 chết không để lại di chúc. Năm 1985 sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, ông M trở về đến năm 1992 thì lấy bà M1 và ở cùng với các cụ trong ngôi nhà của các cụ, còn các anh chị em thì đi lấy vợ, lấy chồng và ở chỗ khác. Nguồn gốc thừa đất các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là của cha ông để lại cho cụ C1 và cụ T3. Khi các cụ còn sống thừa đất này mang tên các cụ nhưng từ năm 1998, các cụ đồng ý và làm thủ tục cho ông M đứng tên. Trước đây, ông M cũng đồng ý tách cho mỗi người 100m² nhưng các anh chị nói đất có nguồn gốc của cụ C1 và cụ T3 nên phải chia làm 04 phần nên bị đơn không đồng ý. Nay nguyên đơn khởi kiện, ông M không đồng ý phân chia. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông M đã sửa chữa nhà, xây bờ bao và trồng các cây cối. Ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì toàn bộ diện tích đất của cụ C1 và cụ T3 đã phân chia cho ông M từ khi các cụ còn sống (vào ngày 21/10/1993 nhân ngày giỗ cụ Phạm Doãn Trịnh là bố đẻ của cụ C1), việc này các cô dì chú bác trong chi họ đều thừa nhận. Ngày 12/01/1995, ngày giỗ Trưởng chi họ Phạm, cụ C1 tuyên bố trước họ tộc cho ông M được toàn quyền sử dụng diện tích đất nhưng không có văn bản ghi nhận điều này. Thực tế, sau ngày 12/01/1995 cụ C1 cầm quyền sở hữu thuế đứng tên cụ C1 gặp Trưởng thôn thực hiện việc tách sổ thành 03 quyển: Quyển thứ nhất đứng tên Phạm Doãn T3, quyển thứ hai đứng tên Phạm Thị T4 và quyển thứ ba đứng tên Phạm Doãn M. Còn đối với bà T được các cụ cho 01 chiếc xe Faborit và số tiền trị giá: 1.500.000 đồng. Như vậy, các cụ đã phân chia tài sản cho các con. Ngày 16/11/1998, cụ C1 khi đó còn khoẻ

mạnh đã cầm quyền sở phân chia từ năm 1995 đến Ủy ban nhân dân phường TVĐ để chuyển quyền sử dụng đất sang tên ông M nên ông M đã chính thức có tên trong sổ địa chính của Ủy ban phường. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2013, ông M trình bày: Việc ông M đứng tên trong sổ địa chính từ thời điểm nào thì ông M không biết, sau này khi có tranh chấp thì ông M mới biết ông M đã đứng tên trong sổ địa chính của phường.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các Điều 636, 678, 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị T4.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án nhân dân quận KA thụ lý lần đầu vào ngày 14/10/2010. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2012/DS-ST ngày 18/5/2012 của Tòa án nhân dân quận KA đã nhận định thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ C1 đã hết nên chỉ chia di sản thừa kế của cụ T3 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 1.225,8m² và tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ T3 cho bà T, ông T3 và bà T4 mỗi người diện tích đất 150m². Ông M được chia diện tích đất 162,9m². Sau khi Tòa án KA xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông M, bà M1 kháng cáo. Tại Bản án phúc thẩm số 36/2013/DS-PT ngày 10/7/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận định: Do vợ chồng ông M không hợp tác nên cả hai lần Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đều không thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, trên cơ sở đó tiến hành định giá tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm mới chỉ xác định giá đất theo giá Nhà nước. Việc định giá này đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật về định giá, không khảo sát, xem xét hiện trạng nên không xác định được vị trí hiện trạng của thửa đất so với vị trí thửa đất trên bản đồ địa chính có phù hợp không; không cụ thể được chi tiết bên trong, bên ngoài thửa đất. Ngoài ra, sau khi phát hành bản án sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án có thêm nội dung: “Tại phiên tòa các nguyên đơn đồng ý tự nguyện bồi thường tài sản trên đất cho ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 gồm 10m tường bao xây gạch ba banh. 02 cây vải, 04 khóm chuối trị giá là 3.000.000 đồng”. Tại phần “Quyết định” của bản án đã bổ sung: “Chấp nhận sự tự nguyện các nguyên đơn liên đới bồi thường tài sản, cây cối, hoa màu trên đất cho ông Phạm Doãn M và bà Vũ Thị M1 số tiền là 3.000.000 đồng”. Những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Sau khi Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, giao lại cho Toà án nhân dân quận KA thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đến ngày 09/11/2020 Toà án nhân dân quận KA mới thụ lý lại lần 2. Sau khi thụ lý lại vụ án, ngày 31/8/2020, Toà án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày 12/10/2020, Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục thụ lý lại vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngay từ thời điểm đầu tiên cho đến nay, bị đơn là người quản lý, sử dụng tài sản tranh chấp đều không hợp tác, ngăn cản quyết liệt việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích đất nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn – ông Phạm Văn T3 đã kháng cáo và bổ sung kháng cáo ngày 12/10/2021. Ông T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết vụ án khách quan và đúng quy định của pháp luật. Lý do: Ông T3 cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã không đánh giá toàn diện bản chất vụ án dẫn đến quyết định của bản án sơ thẩm không đúng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Về việc tách sổ đất như ông M trình bày là diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho cụ C1, cụ T3, ông T3 và bà T4. Diện tích đất nông nghiệp của cụ C1 và cụ T3 hiện ông M đang quản lý, sử dụng và nguyên đơn cũng không khởi kiện trong vụ án này. Khi còn sống cụ C1 và cụ T3 chưa cho ông M thừa đất như ông M trình bày nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3. Quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 nhưng không được Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận. Ngày 16/9/2022, nguyên đơn tiếp tục nộp đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ C1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày, ông M không xuất trình được chứng cứ chứng minh cụ C1 và cụ T3 đã cho ông M thừa đất. Nguyên đơn tiếp tục khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ C1 nên đề nghị giải quyết toàn diện yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết cả yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông M, bà M1 thống nhất trình bày: Diện tích đất ông M, bà M1 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ C1 và cụ T3. Tuy nhiên, khi các cụ còn sống đã cho ông M và ông M đã đứng tên trong sổ mục kê năm 1998. Vì vậy, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông M không đồng ý tự vẽ sơ đồ hiện trạng diện tích đất và tài sản trên diện tích đất mà vợ chồng ông M đang quản lý, sử dụng và ông M cũng không đồng ý để Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với thửa đất đang tranh chấp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về kháng cáo của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cả cụ C1 và cụ T3 để đảm bảo việc giải quyết toàn diện, triệt để vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Phạm Doãn C1 (chết năm 1998) và cụ Nguyễn Thị T3 (chết năm 2002). Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3 trong thời hạn luật định nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ thừa kế: Cụ Phạm Doãn C1 và cụ Nguyễn Thị T3 sinh được 05 người con là Phạm Doãn C3 (chết năm 06 tuổi), bà Phạm Thị T, ông Phạm Doãn T3, bà Phạm Thị T4 và ông Phạm Doãn M. Các cụ không có con nuôi, con riêng.

[4] Căn cứ lời khai của các đương sự; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường TVĐ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được: Nguồn gốc diện tích đất thổ cư 1.225,8m², thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ 15, tổ F 1 (trước là cụm F), phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng là của cụ Phạm Doãn C1 và cụ Nguyễn Thị T3. Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường TVĐ bao gồm Bản đồ địa chính lập năm 1998 hoàn thành tháng 01 năm 1999 và sổ mục kê đất lập ngày 08/01/1999 thì thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 đứng tên đăng ký sử dụng diện tích đất thổ cư là Phạm Doãn M. Theo Ủy ban phường TVĐ cho biết tại thời điểm đo đạc Bản đồ năm 1998, ông M là người đang quản lý, sử dụng thửa đất nên cơ quan đo đạc ghi tên ông Phạm Doãn M. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông M để lại, còn việc họ đã cho ông M hay chưa thì chính quyền địa phương không nắm được. Thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 phù hợp quy hoạch đất ở khu dân cư, có thể xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong

trường hợp lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này thì Ủy ban phường TVĐ sẽ căn cứ vào tài liệu lưu trữ, xác minh nguồn gốc thửa đất và tình trạng tranh chấp của thửa đất.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng vợ chồng ông M, bà M1 đều cản trở, khoá cổng không cho tiến hành đo vẽ để xác định hiện trạng thửa đất và xác định các tài sản trên đất. Giai đoạn phúc thẩm, tại phiên toà ngày 05/5/2022, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích cho ông M, bà M1 thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, tạo điều kiện để Tòa án thực hiện việc khảo sát, đo vẽ xác định hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất, xác định các tài sản trên đất hoặc ông M, bà M1 có thể tự vẽ sơ đồ hiện trạng nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, ông M, bà M1 từ chối, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự. Ngày 14/7/2022, Tòa án tiếp tục có văn bản số 42/TA-TDS gửi các đương sự trong đó có ông M, bà M1 giải thích về vấn đề này và hậu quả của việc họ ngăn cản, cản trở việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Mặc dù đã được Tòa án giải thích nhiều lần nhưng ông M, bà M1 tiếp tục không hợp tác, khoá cổng, ngăn cản quyết liệt việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án. Ngày 22/7/2022, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 11/2022/QĐ-PT ngày 14/7/2022; các thành viên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã quan sát bên ngoài và bằng các nghiệp vụ khác đã xác định: Thửa đất thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06 được xây tường bao xung quanh, cao khoảng trên 02m. Trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4, mái tôn kim loại màu xanh và công trình phụ cạnh nhà cấp 4. Vị trí của nhà cấp 4 giáp thửa đất nhà bà Hiền, ông Lượng, ông Hùng. Trước nhà cấp 4 có sân lát gạch. Từ cổng chính vào sân có lối đi lát gạch, hai bên lối đi là vườn trồng Chuối, Mít, Dừa, Xoài. Diện tích đất hiện trạng 1.237,8m² (diện tích đất theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất là 1.225,8m²).

[7] Từ những phân tích tại mục nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Nguồn gốc diện tích đất thổ cư 1.225,8m², thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ 15, tổ F 1 (trước là cụm F), phường TVĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng là của cụ Phạm Doãn C1 và cụ Nguyễn Thị T3. Ông M cũng xác nhận điều này. Ông M cho rằng các cụ đã cho ông M toàn bộ thửa đất nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này. Việc ông M đứng tên kê khai tại Sổ mục kê đất năm 1999 là do thời điểm này ông M đang quản lý, sử dụng nên kê khai tên của ông M. Ông M chưa chứng minh được cụ C1 và cụ T3 đã cho ông M nên không có cơ sở xác định ông M được sử dụng hợp pháp thửa đất này. Do đó, có căn cứ để xác định thửa đất số 969, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Tổ 15, tổ F 1 là di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3. Cụ C1 và cụ T3 chết không để lại di chúc nên di sản của các cụ cần được chia theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia thêm di sản thừa kế của cụ Phạm Doãn C1. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là chưa đánh giá tính tổng thể, toàn diện trong việc giải quyết vụ án. Việc giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3

trong cùng một vụ án mới đảm bảo việc phân chia di sản thừa kế của các cụ cho các đồng thừa kế được thuận tiện, thống nhất, hợp lý, đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện và triệt để. Toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3 đã thu thập tài liệu chứng cứ về nguồn gốc thửa đất, xem xét hiện trạng và định giá thửa đất, yêu cầu của nguyên đơn không làm phát sinh người tham gia tố tụng khác, không phải xem xét, thẩm định và định giá lại tài sản tranh chấp nên cần xác định việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu hoặc nếu yêu cầu này làm phát sinh việc thu thập chứng cứ khác thì Toà án cấp sơ thẩm có thể thụ lý vụ án dân sự mới rồi nhập hai vụ án thành một vụ án để giải quyết mới đúng. Việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, làm cho vụ án giải quyết không được toàn diện, triệt để, không thuận tiện cho các đồng thừa kế, không đảm bảo việc thi hành bản án. Ngày 16 tháng 9 năm 2022, Toà án nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1. Tại phiên toà phúc thẩm các đồng thừa kế là ông T3, bà T và bà T4 xác nhận đã tiếp tục làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án phân chia di sản thừa kế của cụ C1. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chuyển đơn khởi kiện này cho Toà án có thẩm quyền là Toà án nhân dân quận KA. Do vậy, khi thụ lý lại vụ án này, Toà án quận KA cần giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ T3 - khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm - khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T3: Huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận KA,
TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận KA
TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương